

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 292/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý A Nở
2. Ông Lò Văn Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị L**

Nơi ĐKNKTT: Đội 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

Địa chỉ: Bản C, xã T thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh **Quàng Văn C**

Nơi ĐKNKTT và địa chỉ nơi cư trú: Đội 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 10/8/2017, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quàng Thị L trình bày:

Chị L và anh Quảng Văn C kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 24/4/2007). Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được vài năm đầu, đến năm 2010 anh C đi làm thuê nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do chị L nghi ngờ anh C có quan hệ bất chính, không tôn trọng cuộc sống riêng tư của chị L; đến thời gian gần đây anh chị L đi làm thuê cho quán phở thì anh C ghen tuông vô cớ dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ; do hai vợ chồng không tháo gỡ được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân, chị L chuyển về sống ở nhà bố mẹ đẻ, từ đó đến nay anh C cũng không gọi điện, nhắn tin hoặc gặp gỡ chị L để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Chị L xác định không còn tình cảm với anh C nên xin ly hôn.

Chị L khai vợ chồng có 02 con chung, con lớn là Quảng Thị Khánh L1 - sinh ngày 08/12/2007, hiện đang ở với anh C; con nhỏ là Quảng Thị Phương T - sinh ngày 09/12/2011 hiện đang ở với chị L; quá trình giải quyết chị L và anh C đã thỏa thuận sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao cháu L1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên, vì cháu L1 có nguyện vọng ở với bố; còn chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu T đến khi thành niên; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; tại phiên tòa chị L vẫn giữ quan điểm trên và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Ngoài ra anh chị không có con riêng và con nuôi hợp pháp.

Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 22/8/2017, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Quảng Văn C trình bày:

Anh C công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và Chị L đúng như chị L đã trình bày tại Tòa. Theo anh C, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là có thật, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, thiếu thông cảm với nhau trong công việc nên hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến bất hòa; anh C công nhận vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa, từ khi sống ly thân anh C cũng vì giận chị L mà không liên lạc, không tìm cách tháo gỡ nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách; mặc dù vậy anh C vẫn còn thương yêu chị L nên không nhất trí ly hôn.

Anh C thừa nhận vợ chồng có hai con chung như chị L đã trình bày và giữ nguyên quan điểm giải quyết về việc nuôi con tại các phiên hòa giải, tại phiên tòa, anh C đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó.

Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, chấp hành tốt Điều 48 của BLTTDS; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, thu

thập chứng cứ; tuy nhiên, sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai đương sự, Thẩm phán không gửi Thông báo về việc thu thập chứng cứ cho VKS trong thời hạn luật định; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu chậm so với thời hạn luật định. Hội đồng xét xử: Thành phần HĐXX đúng quy định tại Điều 63 của BLTTDS; điều khiển phiên tòa đảm bảo đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS. Thư ký Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 BLTTDS. Người tham gia tố tụng: Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị L được ly hôn với anh C.

- Về con: Căn cứ Điều 69, 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của các đương sự, giao cháu L1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chị Lưu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Quàng Thị L và anh Quàng Văn C là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Quàng Thị L và anh Quàng Văn C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 24/4/2007 tại UBND xã T, thành phố Đ nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, cả hai bên cùng nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính và không tôn trọng nhau nên mâu thuẫn nảy sinh, do không tháo gỡ được mâu thuẫn nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân; Tòa án đã kiên trì hòa giải nhiều lần nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm không còn, chị không muốn duy trì cuộc hôn nhân với anh C nữa; anh C không nhất trí ly hôn vì vẫn còn yêu thương chị L và các con, tuy nhiên kể từ khi mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, anh C không

chủ động gặp gỡ hoặc liên lạc với chị L để vợ chồng cùng nhau hòa giải, tháo gỡ mâu thuẫn, chỉ khi Tòa án triệu tập hòa giải anh C mới bày tỏ quan điểm của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ thực sự hạnh phúc khi có sự tự nguyện xây dựng từ hai phía, cả hai bên vợ và chồng phải cùng có thiện chí xây đắp và phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhau trong hôn nhân; anh C không nhất trí ly hôn nhưng thiếu thiện chí trong việc hàn gắn mâu thuẫn để đoàn tụ; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, đó là: *không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; không sống chung với nhau* nên đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét về con chung: Chị L và anh C có 2 con chung là Quàng Thị Khánh L1 - sinh ngày 08/12/2007 và Quàng Thị Phương T - sinh ngày 09/12/2011; Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu L1, cháu có nguyện vọng ở với bố. Quá trình giải quyết vụ án, anh C và chị L thỏa thuận: anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Quàng Thị Khánh L1 đến khi thành niên; chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Quàng Thị Phương T đến khi thành niên; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên sự thỏa thuận đó và đề nghị Tòa án công nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị L và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con nên cần căn cứ vào Khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[2.3] Xét về tài sản và công nợ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn chị Quàng Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Một số vi phạm về thời hạn gửi văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu như bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Thẩm phán sẽ rút kinh nghiệm và khắc phục những vi phạm trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị L.
Chị Quàng Thị L được ly hôn với anh Quàng Văn C.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con như sau:

Chị Quàng Thị L có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Quàng Thị Phương T - sinh ngày 09/12/2011 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Anh Quàng Văn C có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Quàng Thị Khánh L1 - sinh ngày 08/12/2007 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Chị L và anh C không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Quàng Thị L và anh Quàng Văn C có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Chị L, anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và công nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002627 ngày 10/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Quàng Thị L, anh Quàng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2017).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hoà